

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 11 - 2019

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH KHÁNH HÒA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lê

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Phụng

2. Ông Nguyễn Văn Hùng

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 151/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/QĐST - HNGĐ ngày 11/11/2019, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà Võ Thị Hoàng N, sinh năm 1988

Địa chỉ nơi cư trú: Tổ dân phố C, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

2. ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Đăng K, sinh năm 1979

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn N, xã A, huyện D, Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/7/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị Hoàng N trình bày: Bà N và ông K tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn D vào ngày 16/12/2011. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ 02 năm trở lại đây, giữa vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông K không tin tưởng bà N, hay ghen tuông vô cớ, dùng những lời lẽ, từ ngữ xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà N. Bà N đã nhiều lần cố gắng hòa giải nhưng ông K vẫn

không thay đổi, không thấu hiểu và tôn trọng bà, nhiều lần quấy rối bà, gây ảnh hưởng đến công việc và các mối quan hệ trong cuộc sống của bà. Từ năm 2018, bà N và ông K không còn chung sống với nhau, bà N đã cùng hai con về nhà mẹ ruột tại thị trấn D sinh sống. Đến tháng 08/2018, bà N có đơn yêu cầu ly hôn ông K tại Tòa án nhân dân huyện D nhưng sau đó rút đơn để tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn. Tuy nhiên, ông K vẫn không thay đổi nên bà N tiếp tục có đơn yêu cầu ly hôn ông K. Nay, bà N xác định không còn tình cảm với ông K, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án cho bà N được ly hôn ông Nguyễn Đăng K. Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Hoàng TY, sinh ngày 24/01/2013 và Nguyễn Hoàng Đông T, sinh ngày 23/11/2014. Bà N nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Bà N và ông K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Bà N xác định giữa bà và ông K không có nợ chung.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Đăng K, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện D đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng ông K vẫn vắng mặt, không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Do đó, Tòa án đã tiến hành lập biên bản xác minh, niêm yết, tổng đạt trực tiếp cho ông K theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N. Về án phí: Nguyên đơn bà N phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Đăng K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Hoàng N và ông Nguyễn Đăng K tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên đơn bà Võ Thị Hoàng N khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Đăng K vì cuộc sống chung giữa hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ ông K không có sự tin tưởng, luôn nghi ngờ, ghen tuông, có những lời nói xúc phạm đến bà N, dẫn đến hai bên có sự cãi vã, xung đột với nhau. Chính điều này tạo ra sự căng thẳng mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng giữa bà N và ông K. Mặt khác, bà N đã từng gửi đơn ly hôn với ông K tại Tòa án nhân dân huyện D nhưng sau đó rút đơn (vào tháng 08/2018) để cho hai bên hàn

gắn hạnh phúc gia đình, tuy nhiên đến nay giữa bà N và ông K vẫn không cải thiện được tình cảm vợ chồng, tình trạng hôn nhân giữa hai bên, biểu hiện là bà N lại tiếp tục yêu cầu ly hôn với ông K. Mặc khác, quá trình giải quyết vụ án, ông K đã được Tòa án nhân dân huyện D triệu tập, tổng đạt hợp lệ nhiều lần, bản thân ông K có nhận trực tiếp văn bản và có đơn đề nghị vắng mặt, yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật (theo đơn đề nghị vắng mặt vào ngày 12/9/2019 tại hồ sơ vụ án bút lục 24). Điều này chứng tỏ ông K biết việc bà N có yêu cầu ly hôn nhưng ông K đã không quan tâm, bỏ mặc, không muốn tiếp tục hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa ông K và bà N. Xét mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa bà N và ông K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà N được ly hôn với ông K.

[3] Về con chung: Bà N và ông K có 02 con chung là Nguyễn Hoàng TY, sinh ngày 24/01/2013 và Nguyễn Hoàng Đông T, sinh ngày 23/11/2014. Tại phiên tòa, bà N có nguyện vọng nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung. Xét cháu TY và cháu Trà đang ở với bà N, hiện bà N có công việc và thu nhập ổn định (bà N đang công tác tại Trung tâm văn hóa - Thông tin và thể thao D). Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu TY và cháu Trà cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà N và ông K đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Tại phiên tòa, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà N phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Võ Thị Hoàng N được ly hôn ông Nguyễn Đăng K.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Hoàng TY, sinh ngày 24/01/2013 và cháu Nguyễn Hoàng Đông T, sinh ngày 23/11/2014 cho bà Võ Thị Hoàng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; ông Nguyễn Đăng K không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Đăng K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà N và ông K đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Bà Võ Thị Hoàng N nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001598 ngày 17/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D; bà N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THA dân sự huyện D;
- UBND thị trấn D (Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Lệ